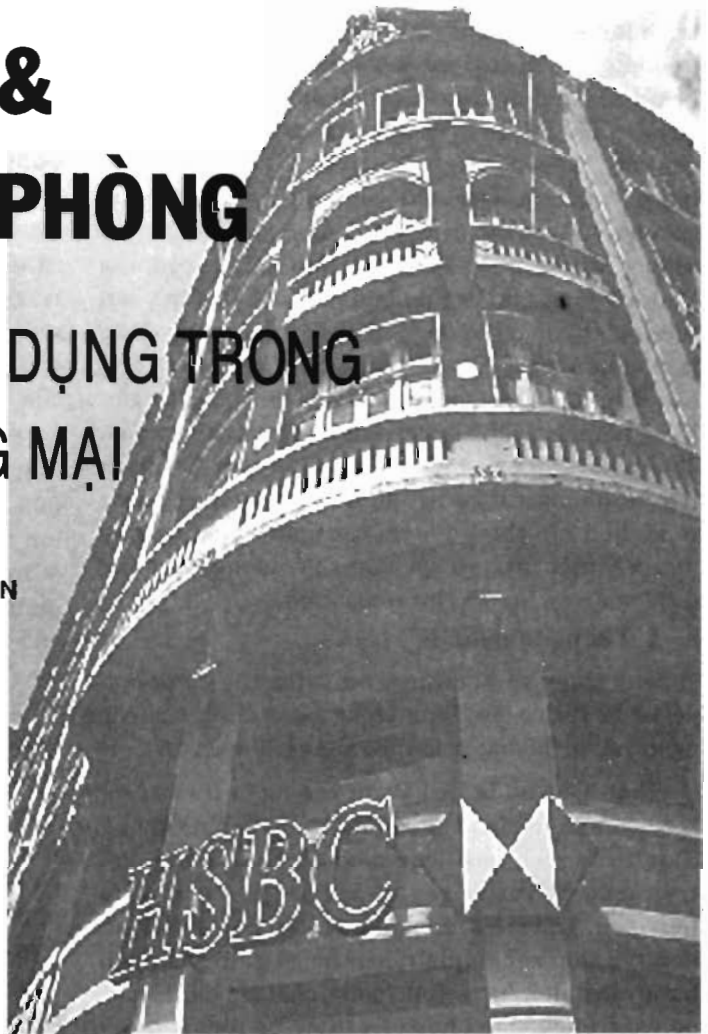


PHÂN LOẠI NỢ & TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG

ĐỂ XỬ LÝ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

PGS. TS. TRẦN HUY HOÀNG
& NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HUYỀN

Nhìn lại năm 2008, chưa có năm nào trên thế giới lại có nhiều sự biến động như vậy. Nổi lên trên hết là cuộc khủng hoảng tài chính tồi tệ “hàng trăm năm mới có một lần” mà nguyên nhân sâu xa bắt nguồn từ khủng hoảng tín dụng và nhà đất do cho vay dưới chuẩn (sub-prime mortgage) dễ dãi tại Mỹ. Rủi ro tín dụng hầu như không thể kiểm soát được. Hàng loạt các ngân hàng tầm cỡ trên thế giới với những tên tuổi như Northern Rock, Lehman Brothers, Washington Mutual, Bear Stearns bị phá sản, các tập đoàn tài chính khổng lồ rơi vào cơn bão cực, sự phá sản của các ngân hàng vẫn tiếp tục như câu chuyện chưa có hồi kết. Chỉ trong năm 2008 đã có hơn 20 ngân hàng Mỹ bị giải thể, đóng cửa. Bóng đen khủng hoảng tài chính lan rộng khắp các châu lục, tác động tiêu cực đến mọi lĩnh vực. VN cũng không phải là ngoại lệ. Chưa bao giờ Ngân hàng Nhà nước (NHNN) VN phải sử dụng hàng loạt các công cụ chính sách tiền tệ để cùng với Chính phủ điều hành nền kinh tế vĩ mô như vậy. Hiện tại vẫn chưa có ngân hàng VN nào phá sản, nhưng 2008 là năm thật sự khó khăn đối với ngành ngân hàng VN, năm 2009 cũng chưa có dấu hiệu khả quan hơn. Những biến động của kinh tế tài chính thế giới, nền kinh tế trong nước và sự thay đổi vùn vụt trong chính sách tiền tệ của Chính phủ làm những ngân hàng thương mại trong nước tưởng chừng có lúc xoay không kịp. Rủi ro tín dụng rất khó kiểm soát, nợ cần chú ý và nợ xấu tăng đột



biến. Vấn đề phân loại nợ, trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng được các ngân hàng quan tâm nhiều hơn. Hơn nữa, năm 2008 cũng là năm mà theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005, các ngân hàng thương mại VN phải xây dựng được hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để hỗ trợ cho việc phân loại nợ, quản lý chất lượng tín dụng phù hợp với phạm vi hoạt động, tình hình thực tế của ngân hàng. Chính vì vậy, các ngân hàng hiện tại đang rất tích cực hoàn thiện hệ thống xếp loại tín dụng nội bộ của mình nhằm phục vụ phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng hợp lý để đối đầu với những diễn biến phức tạp có thể xảy ra, quản lý chất lượng tín dụng hiệu quả, đánh giá đúng vị thế và năng lực tài chính của mình.

Quay lại vấn đề nghiên cứu của bài viết, xin nhấn mạnh rằng việc phá sản của các ngân hàng trên thế giới không phải ở hệ thống phân loại nợ,

trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng mà họ áp dụng. Phân loại nợ, trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng là công việc được thực hiện sau quyết định cho vay. Việc dễ dãi trong quyết định cho vay dưới chuẩn, như trường hợp của ngân hàng Northern Rock, cho vay nhiều gấp 125% giá trị nhà đất của người vay đưa đi cầm cố, bất chấp những lời cảnh báo về sự không ổn định của nền kinh tế cũng như các dự báo về giá bất động sản tụt dốc, thì dù có sử dụng trích lập dự phòng đúng tiêu chuẩn cũng không thể ngăn ngừa được phá sản. Khủng hoảng nhà đất xảy ra đã cho các ngân hàng bài học xương máu trong quyết định cho vay. Trong bối cảnh này, tiếp cận phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo thông lệ quốc tế là điều cần thiết đối với các ngân hàng thương mại VN hiện nay, vì theo đó chất lượng tín dụng được quản lý tốt và chính xác hơn.

1. Thông lệ quốc tế

Giới thiệu về phân loại nợ, trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động của các ngân hàng thương mại theo thông lệ quốc tế.

Phân loại nợ là quá trình các ngân hàng xem xét lại danh mục các khoản nợ và phân chia chúng thành các mục hoặc các mức độ khác nhau dựa trên mức độ rủi ro gặp phải hoặc các đặc điểm liên quan khác của những khoản nợ đó. Quá trình liên tục xem xét và phân loại nợ sẽ giúp cho ngân hàng theo dõi được chất lượng của các danh mục nợ và, trong trường hợp cần thiết, có những hành động khắc phục kịp thời như trích lập dự phòng để đối phó với tình hình xấu đi của các khoản nợ trong danh mục.

Xét về mặt kế toán, nợ được coi là xấu và những dự phòng cần thiết cần được thiết lập, nếu như ngân hàng không thu lại được toàn bộ số tiền khi đáo hạn – bao gồm cả gốc và lãi – theo những điều khoản hợp đồng vay nợ đã ký. Do đó, trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay là cách mà các ngân hàng sử dụng để nhận biết một sự giảm sút nào đó xảy ra đối với giá trị thực tế của khoản vay. Các nhà quản lý ngân hàng phải đánh giá được những tổn thất tín dụng đối với các khoản cho vay trong danh mục dựa trên cơ sở những thông tin có sẵn – một quá trình đòi hỏi sự đánh giá đúng đắn và thường đi ngược với mục tiêu lợi nhuận của ngân hàng, vì trích lập dự phòng nhiều thì lợi nhuận sẽ giảm đi do trích lập dự phòng được hạch toán vào chi phí của ngân hàng. Cả việc

phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đều cho thấy nhiều thách thức mang tính khái niệm cũng như thực tế, đồng thời các nước khác nhau cũng sử dụng những hệ thống phân loại nợ không giống nhau. Ví dụ, thuật ngữ “dự phòng cụ thể” và “dự phòng chung” được đề cập đến ở rất nhiều văn bản quy định chung của nhiều nước, tuy nhiên định nghĩa về hai thuật ngữ đó lại khác nhau ở từng nước. Điều này gây khó dễ cho việc giải thích những chỉ số tài chính quan trọng, đặc biệt là khi so sánh hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng giữa các nước với nhau.

Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro luôn là một tiêu chuẩn để đánh giá các ngân hàng. Hơn nữa, hệ thống luật pháp quốc gia cũng ảnh hưởng lớn đến việc thực thi những điều khoản trong hợp đồng vay nợ. Ví dụ, ở những nước có hệ thống pháp luật mạnh thì các khoản vay sẽ bị xem là quá hạn ngay khi bên vay không có khả năng trả nợ. Tuy nhiên, ở những nước có hệ thống pháp luật yếu, khoảng thời gian giữa việc chưa thanh toán nợ và việc sửa đổi phân loại nợ có thể lâu hơn.

Việc tiếp cận đó cũng khác nhau trong việc có hay không xem xét đến tài sản cầm cố thế chấp và nếu có thì nên xét đến như thế nào trong việc phân loại nợ và xác định trích lập dự phòng thích hợp. Không phải tất cả các hệ thống luật pháp đều đồng ý một loại biểu về tài sản cầm cố thế chấp, và cũng không có sự đồng thuận nào về các tiêu chí định giá tài sản cầm cố thế chấp, giả dụ như có thể bán được các tài sản đó. Tất cả những điều này làm cho việc so sánh các quy định về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro giữa các nước luôn gặp khó khăn.

Tất cả những vấn đề được đề cập đến ở trên đòi hỏi phải có một sự thống nhất về các tiêu chuẩn phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro được các ngân hàng đồng loạt áp dụng. Tuy nhiên, đây luôn là một vấn đề đầy thách thức đối với các cơ quan giám sát quản lý ngân hàng trên thế giới. Có thể điểm qua một số thông lệ quốc tế được áp dụng cho phân loại nợ và trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng như sau:

Ủy ban Basel (Basel Committee): là cơ quan được thành lập vào năm 1974 bởi thống đốc ngân hàng trung ương của nhóm 10 nước (G10). Ủy ban này xây dựng và công bố những tiêu chuẩn và những hướng dẫn giám sát rộng rãi, đồng thời giới

thiệu các báo cáo thực tiễn tốt nhất trong kỳ vọng rằng các tổ chức riêng lẻ sẽ áp dụng thông qua những sắp xếp chi tiết phù hợp nhất cho hệ thống quốc gia của chính họ. Basel là tiêu chuẩn được áp dụng và thừa nhận phổ biến nhất hiện nay. Theo Basel, mỗi loại tài sản sẽ được gán cho một trọng số rủi ro. Theo Basel I, trọng số rủi ro của tài sản được chia thành 4 mức là 0%, 20%, 50% và 100%. Theo Basel II, việc xếp trọng số bao nhiêu tùy thuộc mức độ tín nhiệm (xếp hạng tín dụng) và nợ được chia thành 5 nhóm có trọng số lần lượt là 0%, 20%, 50%, 100% và 150%. Ủy ban Basel ngày càng quan tâm hơn đến các vấn đề kế toán kiểm toán, bằng chứng là những phân tích và bình luận của hội đồng này về các văn bản quan trọng do các cơ quan khác soạn thảo, và những đóng góp phát triển của nó đối với các văn kiện đang thực thi. Đặc biệt quan trọng đối với vấn đề phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro này là bài viết với tựa đề “Hiện trạng về các cách thức công bố và kế toán khoản vay” (Sound Practices for Loan Accounting and Disclosure) xuất bản tháng 7/1999. Bài viết này cung cấp những chỉ dẫn quan trọng trong kế toán cho nợ vay, kế toán cho rủi ro tín dụng và công bố. Bài viết được soạn thảo đi liền với IAS 39 “Các công cụ tài chính: nhận thức và giải pháp”. Nhưng theo chú thích trong bài viết, không có bất kỳ một kỹ thuật phân loại nợ chuẩn, hoặc một quy trình chuẩn nào trong việc đánh giá rủi ro tín dụng. Hơn nữa, một số những khái niệm còn khác nhau do việc định nghĩa giải thích khác nhau. Ví như, khái niệm “bằng chứng khách quan” trong bài viết có nghĩa là các tiêu chuẩn cũ tại thời điểm mà kiểm soát viên (ví dụ ở Tây Ban Nha) dự định áp dụng một cách tiếp cận tiên tiến hơn.

Dù cho có xu hướng thống nhất những quy định ngân hàng do có sự xuất hiện của nghiên cứu của Ủy ban Basel, thì việc xây dựng sự đồng thuận về một hệ thống pháp lý thích hợp nhất trong lĩnh vực này là rất khó khăn.

Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB – International Accounting Standards Board): là nơi ban hành và thường xuyên nghiên cứu cập nhật sửa đổi, bổ sung các chuẩn mực kế toán quốc tế. Các chuẩn mực kế toán này là hệ thống các nguyên tắc hạch toán kế toán, trình bày báo cáo tài chính, các quy định về kế toán được chấp nhận rộng rãi trên toàn thế giới, là cơ sở quan trọng phục vụ cho việc phân loại nợ và trích lập dự

phòng để xử lý rủi ro tín dụng.

Trong các chuẩn mực kế toán quốc tế thì chuẩn mực IAS 39 (Các công cụ tài chính) là một chuẩn mực hết sức quan trọng đối với các ngân hàng. Phạm vi của IAS 39 bao gồm gần 80% tổng tài sản có của các ngân hàng và một phần quan trọng các khoản mục ngoài bảng cân đối. Hiện tại thì IAS 39 đang là thông lệ quốc tế được hướng đến trong các quy định về phân loại nợ và trích lập dự phòng xử lý rủi ro tín dụng vì nó quy định một cách cụ thể, chính xác và thực tế hơn về một số chỉ tiêu như số liệu dự phòng rủi ro tín dụng phải trích lập, dự phòng rủi ro tín dụng, nguồn vốn chủ sở hữu...

Sự khác biệt trong cách tiếp cận phân loại nợ và dự phòng rủi ro thường gây khó khăn trong việc so sánh những yếu kém trong ngân hàng và hệ thống ngân hàng giữa các thể chế pháp luật, điều này tạo nên áp lực và làm cho các nguyên tắc của thị trường thực thi kém hiệu quả. Trong một số trường hợp khác, những phương pháp phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tôi có thể dẫn đến những bất an trong khả năng thanh toán. Mặc dù vậy, những sự khác biệt này không phải chỉ là hậu quả của việc hợp tác không đầy đủ của chính quyền các nước. Đôi khi, họ cũng giải quyết được những nhu cầu cụ thể nào đó của các hệ thống tài chính ở những mức độ phát triển khác nhau. Do đó, việc thống nhất thành công hệ thống quy phạm pháp luật cần phải nhận thức được những đặc điểm mâu thuẫn này bằng cách xác định rõ những tiêu chuẩn tối thiểu để phân loại nợ không những căn cứ trên những phương pháp quản lý rủi ro mà còn mang tính khái quát để nhận rõ được những khác biệt giữa các môi trường kinh tế và pháp luật quốc gia. Qua đó, chúng ta cũng nhận thực được tầm quan trọng của việc tiếp cận phân loại nợ, trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng.

2. Hoạt động của các ngân hàng VN

Phân loại nợ, trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động của các ngân hàng thương mại VN.

Quyết định 493/2005/QĐ- NHNN ngày 22/04/2005 quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007 sửa đổi, bổ sung một số điều về phân loại nợ, trích lập và sử

dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng ban hành theo Quyết định 493, là những văn bản mới nhất và trực tiếp liên quan đến vấn đề phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, và cũng được coi là khá bám sát và tiếp cận những chuẩn mực quốc tế ở VN. Tuy nhiên, hệ thống kế toán áp dụng đối với các tổ chức tín dụng VN mới chỉ tuân thủ khoảng 50% chuẩn mực kế toán quốc tế đã ảnh hưởng đáng kể đến giá trị phải trích lập dự phòng rủi ro.

Bảng 1: Tình hình các nhóm nợ trong toàn hệ thống ngân hàng VN đến tháng 12.2008 (tổng hợp số liệu theo CIC)

Hạng mục	Dư nợ (tỷ VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Tổng dư nợ	1.126.054	100,00
Nợ nhóm 1	1.019.327	90,52
Nợ nhóm 2	70.944	6,30
Nợ nhóm 3	15.510,5	1,38
Nợ nhóm 4	7.080	0,63
Nợ nhóm 5	13.192,8	1,17

Sẽ là bình thường nếu các ngân hàng thương mại ở VN thực hiện nghiêm túc theo Quyết định 493, nghĩa là tối đa đến tháng 04/2008, các ngân hàng phải xây dựng hệ thống tín dụng nội bộ nhằm hỗ trợ cho việc phân loại nợ và quản lý chất lượng tín dụng. Thế nhưng tính đến 31/12/2008, số ngân hàng thực sự hay đang rục rịch phân loại theo hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ mới đếm được trên đầu ngón tay. Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ này sẽ là căn cứ cho các TCTD thực hiện phân loại nợ theo phương pháp định tính (Điều 7, Quyết định 493) với các đánh giá toàn diện về năng lực tài chính và khả năng trả nợ của khách hàng. Hiện chỉ có BIDV là đã hoàn tất phân loại nợ theo định tính và một số ngân hàng khác đang trong giai đoạn hoàn thiện như Agribank, Vietinbank, VIB Bank..., còn lại hầu hết các ngân hàng thương mại VN hiện vẫn đang phân loại nợ theo phương pháp định lượng (Điều 6, Quyết định 493). Sự chậm trễ trong việc thực hiện phân loại nợ theo phương pháp định tính cũng chính là nguyên nhân chính làm cho phân loại nợ của các ngân hàng thương mại VN khác biệt so với quốc tế và đẩy các ngân hàng đã thực hiện

phân loại nợ theo cách mới vào một cuộc chơi thiếu công bằng.

Xét theo thông lệ quốc tế mới nhất về chuẩn mực kế toán, IAS 39 (International Accounting Standard 39). Tuy IAS 39 là chuẩn mực về kế toán, nhưng nó chi phối vấn đề trích lập dự phòng theo phân loại nợ tại các ngân hàng.

Theo Điều 8, Quyết định 493:

Theo công thức tính dự phòng:

$$R = \max(0, (A-C)) \times r$$

Trong đó:

R: số tiền dự phòng cụ thể phải trích

A: giá trị khoản nợ

C: giá trị tài sản đảm bảo

r: tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể

Do hệ thống kế toán áp dụng đối với các tổ chức tín dụng VN mới chỉ tuân thủ khoảng 50% chuẩn mực kế toán quốc tế nên kết quả kiểm toán theo chuẩn mực kế toán VN (VAS) và chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) có sự khác biệt về một số chỉ tiêu như số liệu dự phòng rủi ro tín dụng phải trích lập, dự phòng rủi ro tín dụng, nguồn vốn chủ sở hữu... Sự khác biệt này xuất phát từ một số lý do sau:

- Theo yêu cầu của chuẩn mực kế toán quốc tế số 39 (IAS 39), tất cả các tài sản tài chính phải được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý (là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được tất toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá). Việc các ngân hàng thương mại VN chưa thực hiện ghi nhận tài sản tài chính theo IAS 39 đã dẫn đến:

+ Số dự phòng rủi ro tín dụng được ghi nhận theo VAS thường nhỏ hơn số dự phòng rủi ro tín dụng theo IAS 39 do việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo VAS chưa sử dụng phương pháp lãi suất thực tế để xác định luồng tiền chiết khấu trong việc ghi nhận sự suy giảm giá trị của các khoản cho vay và tạm ứng khách hàng. IAS 39 yêu cầu tính dự phòng rủi ro tín dụng bằng phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của dòng tiền ước tính thu hồi trong tương lai chiết khấu theo tỷ lệ lãi suất gốc, bao gồm giá trị có thể thu hồi của tài sản bảo đảm (nếu có).

+ Giá trị trái phiếu chính phủ đặc biệt của các ngân hàng thương mại nhà nước ghi nhận theo VAS cao hơn ghi nhận theo IAS do VAS ghi nhận

theo mệnh giá bằng giá trị cấp vốn của Bộ Tài chính, cộng thêm số lãi dự thu ở mức 3,3%/năm theo phương pháp đường thẳng, trong khi IAS ghi nhận theo giá trị hợp lý. Từ việc vốn chủ sở hữu ghi nhận theo VAS và IAS khác nhau dẫn đến sự phân ánh hệ số an toàn vốn tối thiểu theo VAS và IAS cũng khác nhau.

- Các ngân hàng thương mại nhà nước không trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay theo chỉ định, theo kế hoạch nhà nước và các khoản nợ khoanh, trong khi chưa có văn bản nào khẳng định Chính phủ sẽ chịu bù đắp hoàn toàn rủi ro cho các khoản cho vay này. Việc này đã dẫn đến số dự phòng rủi ro tín dụng năm 2005 theo VAS thấp hơn nhiều so với IAS.

- Những thông tin sẵn có của một số ngân hàng thương mại VN không đáp ứng đầy đủ những yêu cầu về trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế nên không cung cấp được đầy đủ các thông tin cần thiết cho người sử dụng báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế.

3. Kiến nghị

Một số biện pháp kiến nghị để phân loại nợ, trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động của các ngân hàng thương mại VN tiến tới đáp ứng đầy đủ các thông lệ quốc tế.

• Đối với các ngân hàng thương mại:

Nghiêm chỉnh thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng theo Quyết định 493 và Quyết định 18. Nhanh chóng hoàn thành hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ phục vụ cho công tác phân loại nợ theo Điều 7, QĐ 493.

Chấp hành nghiêm túc Quy chế hoạt động thông tin tín dụng theo Quyết định 51/2007/QĐ-NHNN ngày 06/10/2007 đã có hiệu lực thi hành từ 01/07/2008, thực hiện báo cáo đầy đủ, đúng hạn cho Trung tâm Thông tin Tín dụng (CIC) của Ngân hàng Nhà nước VN. Số liệu do các tổ chức tín dụng báo cáo là cơ sở để CIC tổng hợp, phân tích, đánh giá. Đây là kênh thông tin rất quan trọng phục vụ cho việc điều hành chính sách cũng như hỗ trợ thông tin cho chính các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, một số tổ chức tín dụng vẫn chưa triển khai, một số khác đã triển khai nhưng chất lượng thông tin báo cáo chưa đạt yêu cầu như không cập nhật, chưa đầy đủ, thiếu báo cáo, thiếu các chỉ tiêu báo cáo cần thiết. Các ngân hàng nên chú ý chấp hành đảm bảo lợi ích chung và phục

vụ tốt cho công tác phân loại nợ đối với khách hàng.

Xây dựng và hoàn thiện mô hình quản trị rủi ro hiện đại theo đúng chuẩn mực và thông lệ quốc tế, trong đó xác định rõ vai trò trách nhiệm của từng bộ phận từ Ban điều hành cho đến nhân viên, nâng cao nhận thức và quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng, sử dụng các công cụ tính toán hiện đại giúp cho việc xác định, đo lường và kiểm soát rủi ro có hiệu quả, để hoạt động ngân hàng phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững. Nâng cao tự động hóa và phát triển công nghệ thông tin để hỗ trợ phần mềm cho các mô hình quản trị này, hỗ trợ cho công tác quản lý rủi ro của ngân hàng đạt hiệu quả cao.

Nâng cao năng lực quản trị rủi ro của Ban điều hành cũng như của cán bộ tín dụng, cán bộ quản lý rủi ro và cán bộ kiểm tra kiểm soát thông qua công tác đào tạo và đào tạo lại; tiêu chuẩn hóa các chức danh cán bộ để bảo đảm công việc đảm đương phải phù hợp với năng lực và trình độ. Cải tiến chế độ tiền lương, chế độ khen thưởng phù hợp với hiệu quả, năng suất làm việc để khuyến khích người lao động phát huy hết khả năng của mình và hạn chế tiêu cực phát sinh, làm trái, làm sai để tư lợi, đáp ứng cho yêu cầu phát triển ngân hàng hiện đại

• Đối với Ngân hàng Nhà nước:

Hoàn thiện, bổ sung, sửa đổi các quy định văn bản pháp luật cho phù hợp với thông lệ quốc tế.



Nên bổ sung những quy định rõ ràng hơn trong trích lập dự phòng rủi ro theo chuẩn mực kế toán quốc tế.

Ráo riết thúc giục và đặt ra một thời hạn bắt buộc cho các ngân hàng thương mại phải hoàn thành hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, có những chế tài cho những đơn vị nào không thực hiện trừ khi có giải trình hợp lý.

Hoàn chỉnh hệ thống công nghệ thông tin hiện đại cũng như quy định xử phạt nghiêm minh trong việc cung cấp thông tin đầu vào của các NHTM nhằm phục vụ tốt cho yêu cầu cung cấp thông tin trong toàn hệ thống ngân hàng. Đầu tư, hỗ trợ, phát triển CIC để CIC có thể trở thành một kênh thông tin cập nhật, minh bạch, có giá trị thông tin của Nhà nước. Quy định rõ thời gian các tổ chức tín dụng phải truyền dữ liệu vào kho thông tin dữ liệu của CIC. Nên có phiên bản tiếng Anh cho những thông tin của CIC.

Cải cách đồng bộ tổ chức, phương pháp thanh tra trên cơ sở rủi ro và hoạt động thanh tra giám sát ngân hàng, trong đó xây dựng, ban hành khung pháp lý để Thanh tra ngân hàng là một tổ chức thống nhất có đủ quyền hạn và trách nhiệm trong quá trình thanh tra giám sát nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác đánh giá hoạt động các tổ chức tín dụng, đưa ra những cảnh báo rủi ro chính xác kịp thời, từ đó yêu cầu các TCTD có những biện pháp phù hợp để hạn chế rủi ro, bảo đảm an toàn cho hoạt động của hệ thống các TCTD. Cụ thể hóa các nguyên tắc cơ bản của Basel phù hợp với điều kiện của quốc gia, trong đó xác định lộ trình bước đi thích hợp trong việc thiết lập, xây dựng các điều kiện đáp ứng yêu cầu của thanh tra trên cơ sở rủi ro.

Quan tâm đào tạo đội ngũ thanh tra viên có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu thanh tra giám sát hoạt động NHTM trong điều kiện hội nhập.

Ngoài ra, NHNN cần phối hợp với Bộ Tài chính, yêu cầu Bộ Tài chính phải khẩn trương ban hành các chuẩn mực kế toán VN về việc trình bày, ghi nhận và đo lường công cụ tài chính phù hợp với chuẩn mực kế toán quốc tế IAS. Việc các ngân hàng phải thực hiện kiểm toán theo cả 2 chuẩn mực kế toán VN và kế toán quốc tế không những gây tốn kém mà còn ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng hội nhập quốc tế của hệ thống ngân hàng VN ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG VIỆT

1. Nguyễn Văn Giàu (2008), *Tổng kết hoạt động ngân hàng Việt Nam năm 2008*, Cổng TTĐT Chính phủ.
2. Vnexpress (2008), *2008- năm bi tráng của kinh tế thế giới*.
3. Nguyễn Hoài (2008), *Vi sao các ngân hàng né tránh phân loại nợ?*, VN Economy
4. Ngân hàng Nhà nước VN, *Bản tin thông tin tín dụng CIC số 07 (02/2009)*
5. TH-VP (2007), *Vấn đề áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam*, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
6. Trần Thị Băng Tâm (2007), *Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng theo chuẩn mực và thông lệ ngân hàng quốc tế*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế TP HCM.
7. Nguyễn Thị Thu Ba (2006), Hội thảo " Các chuẩn mực kế toán quốc tế và sự minh bạch tài chính", Các chuyên đề đào tạo bồi dưỡng ở nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
8. Khúc Quang Huy (2006), *Basel II – Sự thống nhất quốc tế về đo lường và các tiêu chuẩn vốn*, Bản dịch, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin
9. Ngân hàng Nhà nước (2005), *Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng*, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của Thống đốc NHNN ban hành.
10. Ngân hàng Nhà nước (2007), *Nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của Thống đốc NHNN*, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007 của NHNN.

TIẾNG ANH

1. Basel Committee on Banking Supervision (1999), *Sound practices for Loan Accounting and Disclosure*, pp. 42-43.
2. Alain Laurin Giovanni Majnoni (2003), *Bank Loan Classification and Provisioning Practices in Selected Developed and Emerging Countries*, The World Bank, Washington, D.C.
3. *IAS 39 Financial Instruments: Recognition and Measurement*, <http://www.iasplus.com/standard/ias39.htm>